

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06-8-2020

V/v: “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Hoài Hiêm;
2. Ông Ngô Minh Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 753/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2012 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 7 tháng 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1997; địa chỉ: Ấp TL, xã HT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Anh T, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp TL, xã GL, huyện TB (nay là khu phố TL, phường GL, thị xã TB), tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng P, trình bày:

Chị và anh T qua một thời gian tìm hiểu thì tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã GL (nay là phường GL) vào tháng 6 năm 2017. Sau khi kết hôn chị và anh T cùng nhau chung sống bên gia đình cha mẹ anh T. Chị và anh T sống hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị và anh T tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc

sống nên thường xuyên gây gổ nhau, anh T không lo lắng kinh tế gia đình, không chăm lo cho vợ con. Hiện nay chị và anh T không còn chung sống với nhau. Từ tháng 3 năm 2019, chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống tại ấp TL, xã HT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh sinh sống và ly thân cho đến nay. Trong thời gian chị và anh T sống ly thân, chị và anh T không ai có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Chị và anh T có một con chung tên Trần Ngọc Cát T1, sinh ngày 23-12-2017, hiện nay đang sống với anh T. Tài sản chung, nợ chung không có. Nay chị nhận thấy đời sống hôn nhân với anh T không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được.

Chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Anh T. Khi Tòa án cho chị và anh T ly hôn, về con chung chị đồng ý để anh T tiếp tục nuôi con chung tên Trần Ngọc Cát T1, sinh ngày 23-12-2017, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án quyết. Về nợ chung không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Anh T trình bày:

Anh thừa nhận lời trình bày của chị P là đúng về quan hệ hôn nhân, thời gian sống ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Nay chị P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh, nên anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng P. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con chung tên Trần Ngọc Cát T1, sinh ngày 23-12-2017, anh không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án quyết. Về nợ chung không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng.

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Việc giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đề nghị Hội đồng xét xử quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng P đối với anh Trần Anh T. Chị Nguyễn Thị Hồng P được ly hôn anh Trần Anh T.

Về con chung: Giao anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Ngọc Cát T1, sinh ngày 23-12-2017. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có tranh chấp, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị P phải chịu án phí sơ thẩm về hôn nhân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Hồng P khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh Trần Anh T. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị Nguyễn Thị Hồng P vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh Trần Anh T vắng mặt tại phiên tòa Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Chị P và anh T qua một thời gian tìm hiểu thì tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã GL (nay là phường GL) vào tháng 6 năm 2017. Sau khi kết hôn chị P và anh T cùng nhau chung sống bên gia đình cha mẹ anh T. Chị P và anh T sống hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị P và anh T tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên gây gổ nhau, anh T không lo lắng kinh tế gia đình, không chăm lo cho vợ con. Hiện nay chị P và anh T không còn chung sống với nhau. Từ tháng 3 năm 2019, chị P về nhà cha mẹ ruột sinh sống tại ấp TL, xã HT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh sinh sống và ly thân cho đến nay. Trong thời gian chị P và anh T sống ly thân, chị P và anh T không ai có thiện chí hàn gắn đoàn tụ.

Anh thừa nhận lời trình bày của chị P là đúng về quan hệ hôn nhân, thời gian sống ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng P được ly hôn với anh Trần Anh T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống vợ chồng, chị P và anh T có một con chung tên Trần Ngọc Cát T1, sinh ngày 23-12-2017, hiện nay cháu T1 đang sống với anh T. Chị P yêu cầu ly hôn với anh T và đồng ý giao cháu T1 cho anh P nuôi dưỡng. Anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Do đó, để tạo điều kiện, đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý của cháu T1, cần giao cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T1. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng P đối với anh Trần Anh T. Chị Nguyễn Thị Hồng P được ly hôn anh Trần Anh T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Cát T1, sinh ngày 23-12-2017 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh T không yêu cầu, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng P phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, tranh chấp nuôi con. Nhưng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị P đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017769 ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho chị P và anh T biết được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TX. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- UBND phường GL;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Tấn Đạt